

Trong bất kỳ hoạt động nào, việc phòng tránh rủi ro luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm tối đa hóa giá trị thu được hiện tại và kỳ vọng tương lai; Tuy nhiên, rủi ro là luôn tiềm ẩn và trong nhiều trường hợp không thể tránh khỏi, đặc biệt với các hoạt động tài chính, tín dụng và đầu tư, vì vậy, việc xử lý rủi ro như thế nào cho kịp thời, có hiệu quả là điều mà mọi tổ chức tài chính, ngân hàng luôn đặc biệt quan tâm, đối với tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cũng vậy. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung phân tích một số điểm còn chưa hợp lý và khuyến nghị các giải pháp hoàn thiện cơ chế xử lý rủi ro trong tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, nhằm từng bước đưa hoạt động này phát triển hiệu quả hơn.

Theo quy định hiện nay, việc xử lý rủi ro bao gồm các hình thức gia hạn nợ, khoan nợ (không tính lãi), miễn giảm lãi tiền vay và xóa nợ, áp dụng với các trường hợp rủi ro bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn...) và nhà nước điều chỉnh chính sách; đối với các trường hợp chuyển đổi sở hữu, xử lý khó khăn về tài chính cho các doanh nghiệp có sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của Chính phủ như đối với các khoản nợ ngân hàng thương mại. Việc miễn giảm lãi vay, khoan nợ, xóa nợ do Thủ tướng Chính phủ quyết định, nguồn xử lý rủi ro được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro được trích hàng năm tối đa bằng 0,2% dư nợ. *Chúng tôi cho rằng những quy định này hiện nay chưa thật sự hợp lý và cần sớm hoàn thiện một số nội dung chủ yếu sau:*

Thứ nhất, quy định về mức trích dự phòng rủi ro như hiện nay là chưa có đầy đủ cơ sở khoa học; điều này thể hiện sự bất hợp lý rất rõ khi so sánh với tỷ lệ nợ quá hạn hiện nay (4,5% dư nợ). Trong khi đó việc phân loại nợ hiện nay mới chỉ xác định nợ quá hạn theo khoản nợ đến hạn mà chủ đầu tư phải trả nhưng chưa trả được theo lịch trả nợ chứ chưa đề cập đến tính chất của khoản nợ đó bao gồm tình hình tài chính hiện tại của chủ đầu tư và khả năng cải thiện trong tương lai, tình trạng của tài sản bảo đảm tiền vay...), đồng thời một việc rất quan trọng nhưng chưa được xem xét đến là phân loại toàn bộ dư nợ hiện tại đã được đầu tư vào dự án để có biện pháp dự phòng rủi ro tương xứng, trong đó có những khoản chưa

đến lịch trả nợ do vốn vay trung dài hạn, trả nợ nhiều lần. Do vậy cần xây dựng phương pháp phân loại nợ một cách khoa học và áp dụng các tỷ lệ trích dự phòng rủi ro theo tính chất nợ vay.

Thứ hai, chưa tạo dựng được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của tổ chức thực thi (hiện nay là Quỹ HTPT). Trong xử lý rủi ro, việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ chỉ là các biện pháp tình thế, mang tính ngắn hạn và thể hiện sự hỗ trợ của

vay mà còn đối với cả việc áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro cần thiết, phù hợp với đặc điểm của khoản vay, dự án.

Thứ ba, mặc dù tổ chức này phải trích lập Quỹ dự phòng rủi ro và việc trích lập này được hạch toán vào chi phí nhưng việc quyết định sử dụng nguồn này để bù đắp rủi ro lại không được tự quyết định; cùng với quy định về phân loại nợ và thẩm quyền xử lý rủi ro, những nội dung này hoàn toàn không phù hợp với thông lệ quốc tế,

CƠ CHẾ XỬ LÝ RỦI RO TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN

**sửa đổi,
hoàn thiện**

THS. TRẦN CÔNG HÒA*

Nhà nước hơn đối với các chủ đầu tư. Tuy nhiên, biện pháp này không làm thay đổi bản chất của khoản nợ có vấn đề và trong nhiều trường hợp vẫn phải tính đến các biện pháp như khoan nợ, miễn giảm lãi tiền vay hay xóa nợ. Những biện pháp này sẽ làm giảm vốn của tổ chức thực thi nhưng có ưu thế là xử lý dứt điểm được các rủi ro tồn đọng. Nếu quy định như hiện nay, việc xử lý rủi ro phải trình lên các cơ quan quản lý nhà nước thì tổ chức thực thi sẽ chịu trách nhiệm rất ít, không phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm để nâng cao hiệu quả tín dụng, đồng thời hạn chế vai trò giám sát, kiểm tra và quản lý vĩ mô của các cơ quan quản lý nhà nước. Do vậy, cần trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho tổ chức này không chỉ trong việc quyết định cho

hạn chế khả năng minh bạch hóa về tài chính của tổ chức thực thi. Do vậy, cần sớm hoàn thiện những quy định về vấn đề này theo hướng xác định rõ ràng các khoản vay thực hiện theo chỉ định hoặc ủy thác của Chính phủ phải được dùng nguồn ngân sách nhà nước để xử lý rủi ro một cách trực tiếp theo định kỳ hàng năm; việc sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro do tổ chức thực thi quyết định và chỉ áp dụng đối với các dự án, khoản vay mà tổ chức này quyết định cho vay; các cơ quan quản lý nhà nước sẽ chỉ tập trung vào xây dựng chính sách và kiểm tra, giám sát thực hiện theo đúng quy định, hạn chế tối đa sự can thiệp vi mô vào các hoạt động của tổ chức này nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng đầu tư phát triển

*Quý Hỗ trợ phát triển

TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

của Nhà nước

Thứ tư, mặc dù miễn giảm lãi tiền vay và khoan nợ được xác định là các biện pháp xử lý rủi ro ưu tiên hơn so với biện pháp xóa nợ vì cần tập trung hơn vào mục tiêu bảo toàn nguồn vốn, tuy nhiên nếu thực hiện các biện pháp này thì tổ chức thực thi khó có thể phát triển được vì cơ chế tài chính hiện nay quy định rõ chỉ được sử dụng 30% số lãi thực thu để trang trải chi phí cho hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

doanh nghiệp có sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của Chính phủ như đối với các khoản nợ ngân hàng thương mại. Như vậy, đối với các trường hợp không phải rủi ro bất khả kháng và điều chỉnh chính sách thì tổ chức này có thể áp dụng các biện pháp về xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và các biện pháp về gia hạn nợ, miễn giảm lãi vay, khoan nợ, xóa nợ. Tuy nhiên, một điều rất khó khăn là tài sản bảo đảm tiền vay rất thấp,

quan trọng, có ý nghĩa minh bạch hóa về tài chính, phù hợp với thông lệ quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu là "mạch máu quốc gia" trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tuy nhiên, chiến lược về phát triển tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước chưa theo kịp yêu cầu này, toàn bộ mới dừng ở mức các quy định về xử lý rủi ro theo các nguyên nhân và trường hợp cụ thể, chưa tạo được hướng đột phá trong việc tái cơ cấu nợ nhằm từng bước phát triển theo hướng chuẩn hóa, minh bạch hóa về tài chính để nâng cao uy tín của tổ chức thực thi, góp phần quan trọng trong việc huy động được nhiều hơn các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, phục vụ mục tiêu công nghiệp hiện đại hóa đất nước. Theo đó, ngoài các vấn đề cần hoàn thiện nêu trên cần tính đến các biện pháp như bán nợ hoặc chuyển nợ vay thành vốn cổ phần đối với các doanh nghiệp khó khăn về tài chính đang trong quá trình cổ phần hóa; đối với những doanh nghiệp thuộc diện này có khả năng phát triển tốt trong tương lai, áp dụng biện pháp này trong những điều kiện nhất định sẽ tận dụng được sức mạnh về tài chính của tổ chức thực thi, tạo điều kiện tốt cho việc cổ phần hóa và cho doanh nghiệp cổ phần hóa phát triển. Khi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phát triển và có đủ điều kiện, tổ chức thực thi có thể bán cổ phần này để thu hồi số vốn đã cho vay cho Nhà nước. Trong một số trường hợp nhất định, cần cho phép tổ chức này thực hiện chức năng khai thác tài sản nợ dưới mô hình công ty con (AMC) để đảm bảo thu hồi vốn cho Nhà nước.



Việc cải cách hệ thống tài chính, ngân hàng hiện đang là vấn đề lớn trong tiến trình của quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế

trong khi đó vẫn phải triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ định của Chính phủ với lãi suất 0% như Kiên cố hóa kênh mương, tôn nền vượt lũ... mà không được hưởng phí. Những vấn đề này phản ánh sự không thống nhất, không tương hỗ lẫn nhau trong hệ thống các chính sách về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, chưa tạo được kích thích tố cần thiết cho tổ chức này tự phát triển để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Thứ năm, đối tượng áp dụng xử lý rủi ro chưa thực sự rõ ràng và hợp lý, hầu hết mới chỉ áp dụng trong các trường hợp rủi ro bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn...) và nhà nước điều chỉnh chính sách; đối với các trường hợp chuyển đổi sở hữu, xử lý khó khăn về tài chính cho các

chủ yếu là tài sản hình thành từ vốn vay. Với đặc điểm là đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên (ví dụ như Nhà máy đóng tàu, Nhà máy điện, xi măng, thép...) nên tài sản hình thành từ vốn vay có tính thanh khoản không cao và đã khấu hao khá nhiều trong quá trình vận hành, do vậy khi gặp rủi ro không phải do nguyên nhân khách quan hoặc nhà nước điều chỉnh chính sách thì rất khó phát mại để thu hồi vốn cho Nhà nước. Điều đó sẽ dẫn đến phải áp dụng các biện pháp như miễn giảm lãi, khoan nợ, xóa nợ, tức là lại quay trở về "vòng luẩn quẩn" như đã trình bày ở trên.

Thứ sáu, việc cải cách hệ thống tài chính, ngân hàng hiện đang là vấn đề lớn trong tiến trình của quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó tái cơ cấu nợ là một nội dung đặc biệt

Thứ bảy, cùng với việc tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức thực thi trong việc xử lý rủi ro và phương pháp phân loại, đánh giá rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế, cần đơn giản hóa thủ tục để đẩy nhanh việc xử lý rủi ro và xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống các chỉ tiêu, tỷ lệ an toàn tín dụng.

Tín dụng dù muốn hay không tự thân nó luôn đi cùng với rủi ro, vì thế song hành với việc đổi mới đối tượng và chính sách triển khai, cần hoàn thiện hơn nữa cơ chế xử lý rủi ro trong tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, để phù hợp hơn với thực tế, phát huy hơn nữa hiệu quả đóng góp tín dụng của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu về đầu tư phát triển xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước ■